**PHIẾU ĐÁNH GIÁ ỨNG VIÊN ĐI BỒI DƯỠNG TIẾNG ANH TẠI NƯỚC NGOÀI**

Họ tên ứng viên:

Đơn vị:

Đợt học:............................................................(từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2019 hoặc từ tháng 9 đến tháng 11 năm 2019).

| **Tiêu chí** | **Nội dung** | **Điểm**  **quy định** | **Điểm đánh giá** | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Cá nhân  tự đánh giá | Hội đồng  đánh giá |
| **1** | **Viên chức chưa được đào tạo trình độ đại học, sau đại học bằng tiếng Anh tại nước ngoài** | **25** |  |  |
| **2** | **Chức vụ** | **20** |  |  |
| Từ Trưởng bộ môn trở lên | 20 |  |  |
| Phó Trưởng bộ môn | 18 |  |  |
| **3** | **Chức danh, học vị** | **20** |  |  |
| Giáo sư | 20 |  |  |
| Phó Giáo sư | 18 |  |  |
| Tiến sĩ | 16 |  |  |
| Thạc sĩ | 14 |  |  |
| **4** | **Thâm niên công tác** | **15** |  |  |
| Từ 10 năm trở lên | 15 |  |  |
| Từ 8 năm đến dưới 10 năm | 13 |  |  |
| Từ 6 năm đến dưới 8 năm | 11 |  |  |
| Từ 4 năm đến dưới 6 năm | 9 |  |  |
| Từ 2 năm đến dưới 4 năm | 7 |  |  |
| Dưới 2 năm | 5 |  |  |
| **5** | **Trình độ ngoại ngữ theo khung Châu Âu - CEFR** | **15** |  |  |
| B1 | 15 |  |  |
| B2 | 13 |  |  |
| **6** | **Nữ** | **5** |  |  |
|  | **Tổng** | **100** |  |  |

**Ghi chú:** *Trường hợp 2 ứng viên có tổng điểm đánh giá bằng nhau, Hội đồng xét chọn sẽ xác định thứ tự ưu tiên bằng cách lần lượt so sánh điểm đánh giá từng tiêu chí (theo trình tự từ tiêu chí 1 đến tiêu chí 6).*